

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9-2021

Về việc tranh chấp "Ly hôn,
nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thùy Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Lầu

2. Ông Thẩm Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Trung Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mông Thị H, sinh năm 1992 (Có mặt tại phiên tòa).

2. *Bị đơn:* Ông Mông Văn T, sinh năm 1991 (Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

Cùng địa chỉ: Xóm BC, xã CT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mông Thị H trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T về chung sống với nhau từ năm 2014, hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Ban đầu cuộc sống chung bình thường, mâu thuẫn phát sinh từ khoảng cuối năm 2016 do bà phải đi dạy học ở xã khác, ông T không thông cảm cho công việc của bà. Ông T không tin tưởng bà, nghi ngờ bà có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Khi bà ốm đau, bệnh tật ông T không chăm

sóc bà, bà phải nhờ bố mẹ để đưa đi bệnh viện. Cuộc sống chung rất mệt mỏi, xảy ra cãi và thậm chí khi đi chợ thị trấn BL để sắm đồ dùng cho Tết Nguyên đán ông T vô cớ đánh bà tại chợ. Sau đó, anh em họ hàng bên ông T chửi mắng bà, lấy con chung của bà và ông T đi về. Hiện nay, bà muốn thăm con thì gia đình nhà chồng không đồng ý, bà chỉ có thể đến thăm con tại trường học khi con tan học. Năm 2018 ông bà sống ly thân đến nay, bà xác định tình cảm của mình dành cho ông T không còn nên yêu cầu được ly hôn.

* Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên là Mông Trần Nhật Q, sinh ngày 14/5/2016. Hiện nay cháu đang sống cùng ông T.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bà trình bày: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa bà trình bày: Khi ly hôn bà dành quyền nuôi con cho ông T, bà mong muốn được thăm và chăm sóc cháu Q, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng với số tiền là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) tính từ ngày tuyên án cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

* Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình thụ lý Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên không tiến hành viết bản tự khai, lấy lời khai; Tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng.

* Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 179, 207, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Mông Thị H được ly hôn ông Mông Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Mông Trần Nhật Q, sinh ngày 14/5/2016 cho ông Mông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành, bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng với số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Bà Mông Thị H yêu cầu giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với ông Mông Văn T, ông T có địa chỉ và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm BC, xã XT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về sự vắng mặt của ông Mông Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông T, tuy nhiên ông T vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mông Thị H và ông Mông Văn T về chung sống với nhau từ năm 2014. Ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Cuộc sống chung của ông bà có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hiểu nhau, không tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy rằng cuộc sống chung của bà H và ông T hiện nay không tồn tại, cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông bà sống ly thân từ năm 2018, từ khi sống ly thân ông bà không có hành động nào níu kéo lại tình cảm, ai biết bốn phận của người đó. Việc bà H có yêu cầu được ly hôn là chính đáng nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên là Mông Trần Nhật Q, sinh ngày 14/5/2016, hiện nay cháu Q đang sống cùng ông T.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa, bà H tự nguyện dành quyền nuôi con cho ông T và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng với số tiền là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bà mong muốn được gia đình nhà ông T cho bà gặp cháu Q, được đưa đón cháu đi học.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng của bà H là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn bà Mông Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 177, khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mông Thị H. Bà Mông Thị H được ly hôn ông Mông Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Mông Trần Nhật Q, sinh ngày 14/5/2016 cho ông Mông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà Mông Thị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng với số tiền là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được phép cản trở.

3. Về án phí: Bà Mông Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Bà Hà đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2018/0002940 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng, bà H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Bà H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã XT;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tô Thị Thùy Ngân

